

Số: 350/2022/QĐST-HNGĐ

TP.Đ, ngày 07 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1942/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà LNV - Sinh năm: 1996

Địa chỉ thường trú: CMB, khu phố N, TH, thành phố BH, tỉnh ĐN

Địa chỉ cư trú: 15.01 Lô CM, chung cư I, phường AP, TP.Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông TCZ - Sinh năm: 1982

Địa chỉ tạm trú: T2A-16.01 LD, Số 5 đường TBĐ, phường TT, TP.Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

- Nguyên đơn: Bà LNV - Sinh năm: 1996

Địa chỉ thường trú: CMB, khu phố N, TH, thành phố BH, tỉnh ĐN

Địa chỉ cư trú: 15.01 Lô CM, chung cư I, phường AP, TP.Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông TCZ - Sinh năm: 1982

Địa chỉ tạm trú: T2A-16.01 LD, Số 5 đường TBĐ, phường TT, TP TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà LNV và ông TCZ thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà LNV và ông TCZ cùng tự khai.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà LNV và ông TCZ cùng tự khai không có.

**3.** Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) do bà LNV tự nguyện nộp, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0025146 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà LNV được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

**4.** Ghi chú kết hôn số 93/2021 tại Ủy ban nhân dân TP TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/12/2021 với Giấy chứng nhận kết hôn số 1056208 do Cơ quan đăng ký kết hôn SGP, CHSGP cấp ngày 03/5/2019 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

**5.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**6.** Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCHADS TP.Thủ Đức;
- UBND TP.Thủ Đức, TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lưu Hải Quỳnh Anh**